

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH, NGHỀ: QUẢN TRỊ KINH DOANH
MÃ NGÀNH, NGHỀ: 6340404
TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG

*Ban hành kèm theo Quyết định số 314/QĐ-CDKTKT ngày 21 tháng 5 năm 2024
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh*



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành, nghề: QUẢN TRỊ KINH DOANH

Mã ngành, nghề: 6340404

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

Thời gian khóa học: 2.5 năm (năm học)

1. Giới thiệu chương trình/ mô tả ngành, nghề đào tạo:

Quản trị kinh doanh trình độ cao đẳng là một ngành, nghề có sự kết hợp của khoa học và nghệ thuật quản lý - kinh doanh. Đây là ngành, nghề hỗ trợ phát triển tối đa tư duy hệ thống trong quản lý và cải tiến hiệu quả hệ thống sản phẩm hàng hóa, dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội, đáp ứng được yêu cầu bậc 5 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Ngành, nghề Quản trị kinh doanh thực hiện việc duy trì và phát triển hoạt động kinh doanh của tổ chức, bao gồm việc cân nhắc, tạo ra hệ thống, quy trình và tối đa hóa hiệu quả hoạt động, "quản lý hoạt động kinh doanh" bằng quá trình tư duy và ra quyết định của nhà quản trị.

Các công việc của ngành, nghề chủ yếu được thực hiện tại các bộ phận của tổ chức hoặc các cơ sở sản xuất kinh doanh. Do đó, những vị trí việc làm này phải chịu cường độ làm việc cao, chịu áp lực lớn về thời gian và yêu cầu đảm bảo tiến độ kế hoạch kinh doanh của tổ chức. Để thực hiện tốt các nhiệm vụ, cần phải đảm bảo các điều kiện làm việc thiết yếu như: Môi trường và điều kiện làm việc phải đảm bảo sức khỏe; mặt bằng kinh doanh hợp lý, các loại thiết bị, dụng cụ phù hợp với tiêu chuẩn của từng công việc; các phần mềm giám sát, quản lý sản phẩm; hệ thống thông tin liên lạc tốt; các quy định nội bộ về chuẩn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

2. Mục tiêu đào tạo:

2.1. Mục tiêu chung:

Người học sau khi hoàn thành chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh (QTKD) sẽ được trang bị các kiến thức và kỹ năng cần thiết cho các công việc thuộc về kinh doanh hoặc quản lý kinh doanh trong các loại hình doanh nghiệp; có năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong công việc.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

THA
RUC
LOD
TIE-N
ANH
CHI
7 *

2.2.1. Kiến thức:

2.2.1.1. Kiến thức đại cương

- Biết được các kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất trong học tập, rèn luyện, lao động và các hoạt động khác;
- Biết được các kiến thức về công nghệ thông tin cơ bản;
- Biết được các kiến thức về ngoại ngữ cơ bản.

2.2.1.2. Kiến thức cơ sở ngành

- Phân tích được các kiến thức của khối ngành kinh tế và bổ sung các kiến thức ngành QTKD như: Quản trị học, Kinh doanh quốc tế, Marketing;
- Giải thích được các quy luật kinh tế, các biến số môi trường kinh doanh tác động đến hoạt động của tổ chức;
- Xác định được nội dung và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động của tổ chức;
- Liệt kê được các trách nhiệm và nhiệm vụ của bản thân khi làm việc nhóm;
- Xác định được cơ cấu tổ chức bộ máy phù hợp với loại hình tổ chức;

2.2.1.3. Kiến thức chuyên ngành

- Phân tích được hoạt động sản xuất kinh doanh của tổ chức;
- Xác định được quy trình hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Xác định được quy trình thực hiện công việc, nhật ký công việc;
- Mô tả được quy trình và cách thức thực hiện công việc trong hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Giải thích được các quy luật kinh tế, các biến số môi trường kinh doanh tác động đến hoạt động của tổ chức;
- Cập nhật được các quy định, chính sách về hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Phân tích được các kiến thức về: Khởi sự kinh doanh, Quản trị dự án, Quản trị hành chính văn phòng, Quản trị nguồn nhân lực,... áp dụng trong thực tiễn liên quan đến các công tác quản lý doanh nghiệp;
- Phân tích được các kiến thức về Giao tiếp trong kinh doanh, Quản trị bán hàng, Thương mại điện tử để có thể áp dụng trong thực tiễn liên quan đến các công việc kinh doanh, bán hàng;
- Xác định được mục tiêu của marketing và các chức năng cơ bản của Marketing;
- Trình bày được các yếu tố tác động đến hành vi của người tiêu dùng và tổ chức;

- Trình bày, giải thích và phân tích được các kiến thức về Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh xuất nhập khẩu để có thể áp dụng trong thực tiễn liên quan đến các công việc kinh doanh, xuất nhập khẩu.

- Trình bày, giải thích và phân tích được các kiến thức về Quản trị sản xuất và điều hành, Quản lý chất lượng, Tổ chức lao động khoa học để có thể áp dụng trong thực tiễn liên quan đến các công việc tổ chức, điều độ sản xuất.

2.2.2. Kỹ năng:

2.2.2.1. Kỹ năng cứng

- Lập được kế hoạch điều phối, thực hiện công việc;
- Vận hành được hệ thống tiêu thụ sản phẩm sẵn có tại đơn vị một cách hiệu quả;
- Dự báo và tìm kiếm được cơ hội kinh doanh;
- Lập được báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của tổ chức;
- Vận dụng được các kiến thức Marketing đã học để xây dựng chiến lược sản phẩm, chiến lược giá, chiến lược phân phối và chiến lược xúc tiến áp dụng vào một doanh nghiệp cụ thể.

- Cung cấp được các thông tin kinh tế - xã hội về hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị để phục vụ cho yêu cầu lãnh đạo và quản lý kinh tế ở đơn vị và các cơ quan quản lý có liên quan;

- Xác định được chiến lược kinh doanh tại đơn vị bộ phận;
- Tham mưu cho lãnh đạo những ý kiến cải tiến công tác quản trị phù hợp với từng giai đoạn kinh doanh;

- Thiết lập được mối quan hệ giữa đơn vị với các đối tác;
- Giải quyết được những khiếu nại, thắc mắc của khách hàng trong mọi trường hợp;
- Phát hiện và đề phòng được rủi ro và mối nguy hại tại nơi làm việc;
- Tổ chức thực hiện được các biện pháp vệ sinh an toàn lao động;
- Phát hiện và đề phòng được rủi ro và mối nguy hại tại nơi làm việc;
- Tạo lập và khởi nghiệp được tổ chức mới với quy mô vừa và nhỏ.

2.2.2.2. Kỹ năng mềm

- Thực hiện được việc giao tiếp, đàm phán trong tìm kiếm việc làm và hòa nhập được vào các môi trường làm việc khác nhau.

- Ứng dụng được tiếng Anh vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; ứng dụng công nghệ thông

- Số lượng môn học, mô đun: 34
- Khối lượng các môn học chung: 435 giờ, (tương đương 19 tín chỉ)
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1620 giờ (tương đương 70 tín chỉ)
- Khối lượng lý thuyết: 765 giờ (37,2 %)
- Khối lượng thực hành, thực tập: 1290 giờ (62,8 %)

5. Bảng tổng hợp năng lực ngành, nghề:

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
I	Năng lực cơ bản	
1	NLCB-01	Rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; Chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Pháp Luật của Nhà nước
2	NLCB-02	Tôn trọng, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật
3	NLCB-03	Có ý thức tự giác và hình thành thói quen tập luyện thể dục thể thao hàng ngày để góp phần bảo đảm sức khỏe trong học tập, lao động và trong các hoạt động khác.
4	NLCB-04	Vận dụng kiến thức Giáo dục quốc phòng và an ninh trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, các hoạt động xã hội góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.
5	NLCB-05	Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề;
6	NLCB-06	Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề; ứng dụng được ngoại ngữ trong việc hoạt động nhóm và hoạt động cá nhân.
7	NLCB-07	Ứng dụng công nghệ thông tin trong đời sống, học tập và làm việc
II	Năng lực cốt lõi	
8	NLCL-01	Giải quyết tốt các tình huống quản trị đơn giản và có thể phát triển nghề nghiệp trên cơ sở vận dụng kiến thức quản trị học vào thực tiễn.

9	NLCL-02	Xác định được trạng thái cân bằng của thị trường, điểm tiêu dùng tối ưu của người tiêu dùng và điểm sản xuất tối ưu của doanh nghiệp
10	NLCL-03	Vận dụng tính các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô trong thực tế, phân tích được tác động của kinh tế vĩ mô đối với các chủ thể kinh tế.
11	NLCL-04	Phân tích được nhu cầu khách hàng, thị trường, sản phẩm, môi trường.
III	Năng lực nâng cao	
12	NLNC-01	Vận dụng kiến thức kinh doanh quốc tế để giải thích một số các hiện tượng kinh tế trong nền kinh tế hiện nay
13	NLNC-02	Hành nghề tuân thủ theo quy định pháp luật kinh tế
14	NLNC-03	Vận dụng kiến thức kế toán vào hoạt động quản lý doanh nghiệp
15	NLNC-04	Vận dụng kiến thức thống kê vào hoạt động quản lý doanh nghiệp
16	NLNC-05	Xây dựng được kế hoạch kinh doanh cho doanh nghiệp
17	NLNC-06	Thiết kế, xây dựng được một chiến lược với nội dung và hình ảnh cụ thể của một công ty
18	NLNC-07	Xây dựng, đánh giá, tổ chức thực hiện các hoạt động quản trị nguồn nhân lực
19	NLNC-08	Quản lý, sắp xếp, cập nhật, lưu trữ hồ sơ
20	NLNC-09	Lập kế hoạch, tổ chức và chỉ đạo, kiểm soát các hoạt động tài chính
21	NLNC-10	Phân tích và lập dự án, các phương pháp quản lý thời gian và tiến độ dự án, phân bổ nguồn lực, quản lý chi phí, quản lý rủi ro dự án.
22	NLNC-11	Có khả năng lập các kế hoạch sản xuất
23	NLNC-12	Vận dụng các lý thuyết quản lý chất lượng vào các tổ chức doanh nghiệp
24	NLNC-13	Xác định được các mức lao động và các yếu tố điều kiện làm việc ảnh hưởng đến sức khỏe của người lao động
25	NLNC-14	Sử dụng được ngoại ngữ chuyên ngành, ứng dụng được ngoại ngữ chuyên ngành vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề
26	NLNC-15	Sử dụng được các công cụ giao tiếp ngôn ngữ và phi ngôn ngữ
27	NLNC-16	Ứng dụng các kỹ năng bán trong từng bước của quá trình bán hàng để thực hành đóng vai bán hàng, thuyết phục khách hàng

28	NLNC-17	Ứng dụng các kiến thức thương mại điện tử vào việc triển khai các phương tiện điện tử trong quy trình kinh doanh: đặt hàng, thanh toán và giao hàng... trong doanh nghiệp
29	NLNC-18	Vận dụng cách thức tổ chức thực hiện hoạt động quản trị quan hệ khách hàng;
30	NLNC-19	Thực hiện được các công việc, nghiệp vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp cơ bản đang diễn ra tại thực tế doanh nghiệp
31	NLNC-20	Lựa chọn và xây dựng chuỗi cung ứng phù hợp cho doanh nghiệp
32	NLNC-21	Phân tích và hoạch định được giải pháp cho các vấn đề đạo đức, trách nhiệm xã hội.
33	NLNC-22	Ứng dụng các quy tắc quốc tế (Incoterms, UCP,...) trong hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu.
34	NLNC-23	Lập được kế hoạch thay đổi tại một doanh nghiệp cụ thể.

6. Nội dung chương trình:

Mã môn	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/bài tập/thảo luận	Kiểm tra
I	Các môn học chung	19	435	157	255	23
MH3108021	Giáo dục chính trị	5	75	41	29	5
MH3108103	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH3109105	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
MH3109022	Giáo dục Quốc phòng và an ninh	3	75	36	35	4
MH3107209	Tiếng Anh 1	2	60	22	35	3
MH3107210	Tiếng Anh 2	2	60	20	37	3
MH3101201	Tin học	3	75	15	58	2
II	Các môn học, mô đun chuyên môn	70	1620	498	1032	90
II.1	Môn học, mô đun cơ sở	9	195	60	120	15
MH3104607	Quản trị học	2	45	11	30	4
MH3104138	Kinh tế vi mô	2	45	12	30	3
MH3042205	Kinh tế vĩ mô	2	45	11	30	4
MH3042411	Marketing	3	60	26	30	4
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn	58	1365	412	882	71
MH3042412	Kinh doanh quốc tế	3	60	26	30	4
MH3104121	Luật kinh tế	2	45	11	30	4

MH3042413	Kế toán quản lý doanh nghiệp	3	60	26	30	4
MH3042414	Thống kê quản lý doanh nghiệp	3	60	26	30	4
MH3042415	Khởi sự kinh doanh	3	60	26	30	4
MH3042416	Quản trị Marketing	2	45	11	30	4
MH3042497	Quản trị nguồn nhân lực	3	60	26	30	4
MH3042418	Quản trị hành chính văn phòng	3	60	26	30	4
MH3042419	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3	60	26	30	4
MH3042420	Quản trị dự án	3	60	26	30	4
MH3042421	Quản trị sản xuất và điều hành	3	60	26	30	4
MH3042422	Quản trị chất lượng	3	60	26	30	4
MH3042423	Tổ chức lao động khoa học	3	60	26	30	4
MH3042424	Tiếng Anh quản trị doanh nghiệp	2	45	11	30	4
MH3042425	Giao tiếp trong kinh doanh	3	60	26	30	4
MĐ3042417	Kỹ năng bán hàng	3	75	15	57	3
MH3042427	Thương mại điện tử	3	60	26	30	4
MH3042428	Quản trị quan hệ khách hàng	3	60	26	30	4
MĐ3042429	Thực tập doanh nghiệp	7	315	0	315	0
II.3	Môn học, mô đun tự chọn	3	60	26	30	4
MH3042430	Quản trị Chuỗi cung ứng	3	60	26	30	4
MH3042431	Đạo đức kinh doanh	3	60	26	30	4
MH3042432	Nghiệp vụ kinh doanh XNK	3	60	26	30	4
MH3042433	Quản trị sự thay đổi	3	60	26	30	4
Tổng cộng		89	2055	655	1287	113

7. Hướng dẫn sử dụng chương trình:

7.1. Các môn học chung bắt buộc thực hiện theo Quy định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

- Khối lượng học tập đối với các môn học chung theo quy định được quy đổi thành tín chỉ tại Phụ lục 05 của Thông tư 01/2024/TT-BLĐTBXH ngày 19 tháng 2 năm 2024 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định quy trình xây dựng thẩm định và ban hành chương trình đào tạo; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

- Môn Giáo dục Chính trị thực hiện theo Thông tư số 24/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội Ban hành Chương trình môn học Giáo dục Chính trị thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

- Môn Pháp luật thực hiện theo Thông tư số 13/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội Ban hành Chương trình môn học Pháp luật thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

- Môn Giáo dục thể chất thực hiện theo Thông tư số 12/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội Ban hành Chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;



- Môn Giáo dục Quốc phòng và An ninh thực hiện theo Thông tư số 10/2018/TT-BLĐTĐBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội Ban hành Chương trình môn học Giáo dục Quốc phòng và An ninh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

- Môn Tin học thực hiện theo Thông tư số 11/2018/TT-BLĐTĐBXH ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội Ban hành Chương trình môn học Tin học thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

- Môn Tiếng Anh thực hiện theo Thông tư số 03/2019/TT-BLĐTĐBXH ngày 17 tháng 01 năm 2019 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội Ban hành Chương trình môn học Tiếng Anh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

7.2. Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo:

- Chương trình đào tạo được tổ chức thực hiện theo phương thức tích lũy mô đun, tín chỉ của Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTĐBXH ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

- Việc tổ chức giảng dạy các môn học, mô đun được thực hiện theo Kế hoạch phân bổ môn học, mô đun (đính kèm).

7.3. Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên, định kỳ và thi kết thúc môn học, mô đun:

Phương pháp, thời gian tổ chức kiểm tra thường xuyên, định kỳ, thi kết thúc môn học, mô đun được xác định và có hướng dẫn cụ thể theo từng chương trình môn học, chương trình mô đun.

Thời gian kiểm tra, thi lý thuyết tính vào giờ lý thuyết; thời gian kiểm tra, thi thực hành, tích hợp tính vào giờ thực hành.

7.4. Thực tập tại doanh nghiệp, thực tập tốt nghiệp:

Người học phải tích lũy trên 2/3 tổng số tín chỉ mới được đi thực tập doanh nghiệp.

7.5. Xét công nhận tốt nghiệp:

- Người học phải tích lũy đủ số tín chỉ quy định và thỏa mãn các điều kiện được quy định tại quy chế đào tạo hiện hành thì mới được xét tốt nghiệp.

- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp trình độ cao đẳng và các qui định liên quan để xét cấp bằng tốt nghiệp và công nhận cho người học "Danh hiệu cử nhân thực hành" theo qui định.

- Ngoài những môn học, mô đun trong chương trình đào tạo, người học cần phải đạt chuẩn đầu ra tin học, ngoại ngữ, kỹ năng mềm theo quy định của nhà trường.



Phạm Ngọc Diễm

**TRƯỞNG PHÒNG
ĐÀO TẠO**

Lâm Văn Thi

TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Hoàng Anh